

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Đất đai);

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định việc phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ được phân cấp trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

2. Các nội dung về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đối với các trường hợp còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP (ngoài các trường hợp đã phân cấp tại Điều 3 Quyết định này) và trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện quyền hạn và trách nhiệm trong lĩnh vực đất đai.
2. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền

1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện

a) Quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp: hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư; tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm trên địa bàn một (01) đơn vị hành chính cấp xã, trừ trường hợp có phần diện tích đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

b) Chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với cá nhân, thực hiện theo địa bàn từng đơn vị hành chính cấp xã;

c) Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai, phê duyệt phương án sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai, thực hiện theo địa bàn từng đơn vị hành chính cấp xã;

d) Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai mà không phân biệt đô thị hay nông thôn đối với dự án thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, trừ trường hợp dự án có diện tích đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

đ) Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai mà không phân biệt người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân đang quản lý, chiếm hữu đất, thực hiện theo địa bàn từng đơn vị hành chính cấp xã;

e) Quyết định thu hồi đất đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 81, khoản 1, 2, 3 Điều 82 Luật Đất đai mà thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại điểm a khoản này;

f) Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc trường hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Đất đai, thực hiện theo địa bàn từng đơn vị hành chính cấp xã.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tại khoản 1 Điều này là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, điều chỉnh, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và các trường hợp theo quy định của Quyết định này; thực hiện các trình tự, thủ tục để thực hiện thẩm quyền quy định tại Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền

1. Cơ quan, người có thẩm quyền được phân cấp có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai đối với các nhiệm vụ đã được phân cấp thẩm quyền tại Quyết định này và các nhiệm vụ do cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền được phân cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; đồng thời, thực hiện báo cáo định kỳ, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp khi có yêu cầu và không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp tại Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.


2. Quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp đã tiếp nhận, đang thực hiện theo thẩm quyền từ ngày 31 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa giải quyết đến kết quả cuối cùng:

a) Trường hợp cùng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thì tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành;

b) Trường hợp khác cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thì người sử dụng đất được quyền lựa chọn tiếp tục thực hiện ở cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết hoặc nộp lại hồ sơ ở cơ quan, người có thẩm quyền theo Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Phú Quý, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Các nội dung khác không được quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai và quy định có liên quan.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng/Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị (VP UBND tỉnh);
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng;
- Lưu: VT, NNMT_(Hn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên